

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 25

40- GIẢI THÍCH BỐN VIỆC KHÔNG SỢ

Bốn việc không sợ: Phật nói lời chân thật rằng: Ta là bậc Nhất thiết chánh trí. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, ma, Phạm, hoặc các chúng sanh khác nói như thật rằng, pháp ấy Phật không biết, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên để sợ. Do vậy, Ta được an ổn, được không sợ, an trú chỗ Thánh chúa, như trâu chúa ở giữa đại chúng rống tiếng rống sư tử Chuyển Phạm luân (Pháp luân) mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc các chúng khác không thể chuyển được. Đây là việc không sợ thứ nhất.

Phật nói lời chân thật rằng: Ta đã sạch hết các lậu. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác như thật nói rằng, lậu hoặc ấy Phật chưa hết, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên để sợ việc ấy. Do vậy nên Ta được an ổn, được không sợ, an trú chỗ thánh chúa, như trâu chúa, ở giữa đại chúng rống tiếng rống sư tử. Chuyển bánh xe pháp, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc Ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác, thật không thể chuyển được. Đây là việc không sợ thứ hai.

Phật nói lời chân thật rằng: Ta nói pháp chướng đạo. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác như thật nói rằng, thọ là chướng pháp không chướng đạo, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên để sợ việc ấy. Do vậy Ta được an ổn, được không sợ, an trú chỗ Thánh chúa, như trâu chúa, ở giữa đại chúng rống tiếng rống sư tử. Chuyển bánh xe pháp, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc Ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác, thật không thể chuyển được. Đây là việc không sợ thứ ba.

Phật nói lời chân thật rằng: Ta nói đạo thiết yếu được ra khỏi thế

gian; thực hành đạo ấy, có thể dứt hết các khổ. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác, như thật nói rằng, thực hành đạo ấy không thể ra khỏi thế gian, không thể dứt hết khổ, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên để sợ việc ấy. Do vậy, Ta được an ổn, được không sợ, an trú chỗ thánh chúa, như trâu chúa, ở giữa đại chúng rống tiếng rống sư tử. Chuyển bánh xa pháp, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được. Đây là việc không sợ thứ tư.

Hỏi: Vì sự gì mà nói bốn việc không sợ?

Đáp: Vì có người nói: Phật tự xưng nhất thế trí, nhất thiết kiến, nhưng kinh sách, kỹ thuật, trí xảo, phương tiện trong thế gian rất nhiều vô lượng, nếu tất cả mọi người chung lại còn khó biết hết mọi việc, huống gì một mình Phật với Nhất thiết trí mà hoặc có việc ấy, có nạn vấn việc ấy, Phật làm sao không sợ. Vì muốn dứt mối nghi hoặc, nạn vấn đó, nên Phật nói bốn việc không sợ.

Lại nữa, hoặc khi Phật chưa ra đời, các ngoại đạo dùng đủ cách đối hoặc người cầu đạo, cầu phước bằng cách hoặc ăn các thứ trái, các thứ rau, hoặc ăn các thứ rễ cây, hoặc ăn phân bò, ăn cỏ, hoặc ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, mười ngày, một tháng, hai tháng ăn một bữa, hoặc hút gió, uống nước, ăn váng nước; hoặc dùng áo vỏ cây, lá cây, áo cỏ, da nai, hoặc áo gỗ ván, hoặc nằm trên đất, trên chày, trên gậy, trên tro, trên gai; hoặc khi lạnh thì ngâm nước, khi nóng thì đốt lửa sưởi, nhảy vào nước chết, nhảy vào lửa chết, hoặc lao mình xuống núi mà chết, hoặc nhịn ăn mà chết. Dùng các cách khổ hạnh như vậy để cầu sanh lên Trời, cầu Niết-bàn, cũng dạy đệ tử không được bỏ phép ấy.

Tất cả như thế dùng lời kéo kẻ vô trí để được cúng dường; ví như lửa đom đóm khi mặt trời chưa mọc, ít nhiều có thể chiếu soi, khi mặt trời đã mọc, ngàn ánh sáng chiếu soi, thì trăng và các sao đều mất sáng, huống lửa đom đóm?

Nếu Phật chưa xuất thế, thì bọn ngoại đạo có chút ánh sáng chiếu thế gian, được cúng dường. Khi Phật xuất thế, ánh sáng đại trí diệt ánh sáng các ngoại đạo và đệ tử, họ không còn được cúng dường. Vì mất lợi cúng dường nên phỉ báng Phật và đệ tử Phật, như trong kinh Tôn-đà-ly nói: Ngoại đạo tự giết Tôn-đà-ly (Sundari) để phỉ báng Phật, nói với mọi người rằng: “Kẻ tệ ác ở thế gian còn không làm việc ấy. Người ấy về lẽ pháp thế gian còn không hay biết hướng là Niết-bàn?” Muốn dứt sự phỉ báng ấy cho nên Phật tự nói thật công đức của bốn việc không sợ: chỉ riêng Ta là người Nhất thiết trí, không ai có thể như thật nói: Phật không

hay biết. Ta không sợ việc ấy. Chỉ riêng Ta đoạn tận tất cả lậu hoặc và tập khí, không ai có thể như thật nói: Phật chưa hết lậu hoặc. Ta không sợ việc ấy. Ta nói pháp làm chướng ngại đạo Niết-bàn, không ai có thể như thật nói: pháp ấy không chướng ngại Niết-bàn. Ta không sợ việc ấy. Ta nói đạo dứt khổ đạt đến Niết-bàn, không ai có thể như thật nói: đạo ấy không thể đạt đến Niết-bàn. Ta không sợ việc ấy.

Lược nói thể của bốn việc không sợ:

1. Chơn chánh biết hết thủy pháp.
2. Hết tất cả lậu hoặc và tập khí.
3. Nói hết thủy pháp làm chướng ngại đạo.
4. Nói đạo dứt hết khổ.

Đối bốn việc ấy, nếu có ai như thật nói: Phật không thể biết khắp hết. Phật không sợ việc ấy, vì Phật đã chơn chánh biết khắp rành rành. Hai việc không sợ đầu, là đầy đủ công đức tự lợi, hai việc không sợ sau là đầy đủ lợi ích chúng sanh.

Lại nữa, ba việc không sợ, một, ba, tư là nói về trí, việc không sợ thứ hai là nói về đoạn (dứt trừ). Trí đức, đoạn đức đầy đủ, tức việc làm đã xong.

Hỏi: Mười lược đều là trí, bốn việc không sợ cũng là trí, thì có gì sai khác?

Đáp: Các công đức của Phật, nói rộng là lược, nói lược là không sợ.

Lại nữa, có khả năng làm là lược, không chỗ nghi ngại là không sợ. Trí tuệ tu tập nên gọi là lược, tiêu tán các vô minh nên gọi là không sợ.. Nhóm các pháp thiện nên gọi là lược, diệt các pháp bất thiện nên gọi là không sợ. Tự có trí tuệ nên gọi là lược, không ai phá hoại được nên gọi là không sợ. Trí tuệ mạnh mẽ là lược, chịu được vấn nạn là không sợ. Nhóm các trí tuệ gọi là lược, trí tuệ dùng ra ngoài là không sợ. Ví như Chuyển luân thánh vương, thành tựu bảy báu là lược, được bảy báu rồi, khắp bốn châu thiên hạ đều hàng phục gọi là không sợ. Lại như thầy thuốc hay khéo biết phương thuốc gọi là lược, hòa hiệp các thứ thuốc cho người gọi là không sợ. Tự lợi ích là lược, lợi ích người khác là không sợ.. Tự trừ phiền não là lược, trừ phiền não cho người khác là không sợ. Không bị trở ngại là lược, không nạn không thối là không sợ. Tự thành điều thiện cho mình là lược, thành điều thiện cho người khác là không sợ.. Trí thiện xảo là lược, dùng trí thiện xảo là không sợ. Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí là lược; Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí hiển phát ra ngoài là không sợ. Mười tám pháp bất cộng là lược, Mười tám pháp bất cộng hiển phát ra ngoài là không sợ. Thông đạt khắp pháp tánh là lược, nếu có các vấn

nạn, không cần suy nghĩ đáp lại được liền, là không sợ. Được Phật nhãn là lực, Phật nhãn thấy rồi với người có thể độ thuyết pháp độ cho họ là không sợ. Được ba trí vô ngại là pháp, nghĩa, từ, ấy gọi là lực; được ứng biện vô ngại ấy gọi là không sợ. Nghĩa vô ngại trí là lực, lạc thuyết vô ngại trí là không sợ. Nhất thiết trí tự tại là lực, các thí dụ, nhân duyên, trang nghiêm ngôn ngữ thuyết pháp là không sợ. Pháp chúng ma là lực, phá luận nghị sự ngoại đạo là không sợ. Các nhân duyên như vậy, phân biệt lực và không sợ.

Hỏi: Sao gọi là không sợ?

Đáp: Được không nghi ngại, không kỵ nạn, trí tuệ không lui, không mất, lông trên mình không dựng đứng, ở trong mỗi pháp đúng như thuyết liền làm, ấy là không sợ.

Hỏi: Làm sao biết Phật không sợ?

Đáp: Nếu có chỗ sợ thì không thể chế ngự đại chúng, hay nhiếp, hay xả, hay gay gắt đối trị, hoặc nói êm dịu mà dạy bảo, như Phật có lần xua đuổi ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... rồi trở lại đem tâm lân mẫn nhiếp thụ, nếu có chỗ kỵ nạn thì sao các bọn thầy luận nghị ở trên đánh núi kiêu mạn, đem trí tuệ bề ngoài với tâm cuồng say đều nói rằng, trong thiên hạ chỉ có ta chứ không còn ai khác biết chắc chắn kinh thư và phá kinh thư luận nghị người khác. Dùng miệng ác chê bai như voi điên không bị kềm chế; các người điên ấy là Am-bạt-tra, Trường traô, Tát-giá-kỳ, Ni-kiền, Côn-lô-chi... đều chịu phục Phật cả, nếu Phật có chỗ sợ, thì không thể như vậy.

Lại năm người xuất gia như ông Kiều-trần-như..., một ngàn tiên nhân bện tóc như ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp..., ông Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp... đều xuất gia ở trong Phật pháp.

Lại trăm ngàn người dòng họ Thích, các đại vương châu Diêm-phù-đề, đại vương Ba-tư-nặc, vua Tần-bà-sa-la, vua Chiên-đà-bà-thù-đề, vua Ưu-điền, vua Phất-ca-la-bà-ly, vua Phạm-ma-đạt... đều làm đệ tử Phật.

Lại các Bà-la-môn tại gia mà trí tuệ vượt hơn thế gian, được vua chúa kính ngưỡng làm thầy như ông Phạm-ma-dụ, Phất-ca-la-bà-ly, Cưu-la-đàn-đà... đều làm đệ tử Phật.

Có người được sơ đạo, nhị đạo, tam đạo, tứ đạo. Các đại quý thần A-la-bà-ca, Tỳ-la-ca... Các đại long vương A-ba-la-la, Y-la-bát-đa-la... các người ác như Ương-quật-lê-ma-la... đều hàng phục qui hóa theo Phật.

Nếu mà có sợ thì không thể ngồi một mình trên tòa sư tử dưới gốc cây, khi sắp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quân chúng ma

vương hóa làm đầu sư tử, hổ lang, gấu, bi, hoặc một mắt, nhiều mắt, hoặc một tai, nhiều tai, vắc núi phun lửa, đi quanh bốn phía, Phật lấy tay chỉ xuống đất, trong khoảng nháy mắt, chúng liền biến mất.

Chư thiên, A-la-hán, Tỳ-ma-chất-đế-lệ, Thích-đề-hoàn nhân, Phạm thiên vương... Phật dẫn dắt tâm họ, họ đều làm đệ tử.

Nếu mà có sợ, thì không thể thuyết pháp ở giữa đại chúng. Vì không sợ, nên có thể thuyết pháp ở giữa đại chúng chư thiên, quỷ thần như vậy, cho nên gọi là không sợ.

Lại nữa, Phật đối với chúng sanh là tối tôn tối thượng, đã tột đến bờ kia của hết thủy pháp, được tiếng tăm lớn, nên tự nói không sợ.

Lại nữa, hãy để công đức ấy của Phật lại, về các công đức thế gian của Phật cũng không ai sánh kịp, vì Phật đã nhổ hết gốc rễ của sợ, đó là sanh nhà tệt lậu, chỗ tệt lậu, sắc xấu xí, không oai nghi, lời nói thô ác...

Sanh nhà tệt lậu: Nhà Thủ-đà-la, làm nghề khiêng người chết, hốt phân, nuôi gà, heo, đi săn bắn, đồ tể, nấu rượu... là nhà tiểu nhân ty tiện, nếu ở giữa đại chúng, thì rất sợ. Phật từ xưa lại nay thường sanh trong dòng Chuyển luân Thánh vương, như Đảnh sanh vương, Khoái kiến vương, Ta-kiệt vương, Ma-ha Đề-bà vương... gọi là sanh trong nhà thuộc dòng vua, vì vậy nên không sợ.

Sanh chỗ tệt ác lậu: Sanh các nước An-đà-la, Xá-bà-la (Nước trần truồng) Đâu-khư-la (nước Tiểu Nhục-chi) Tu-ly, An-tức, Đại-tần... sanh ở trong các biên quốc như vậy, nếu ở giữa đại chúng thì rất sợ. Phật sanh ở trung quốc Ca-tỳ-la-vệ cho nên không sợ.

Sắc xấu xí: Có người thân khô khan gầy ốm, người ta không muốn thấy, nếu ở giữa đại chúng, thì cũng sợ hãi. Phật có thân sắc tốt đẹp như vàng nhuận sáng, như lửa chiếu núi xích kim, cho nên không sợ.

Không có oai nghi: Tối lui, đi bước, ngồi đứng, không có oai nghi của người, thì hay sợ hãi. Phật không có việc ấy.

Lời nói thô ác: Có người âm thanh dữ, nói ngượng nghịu, nói lắp, nói không có thứ lớp, người ta không ưa, thì rất sợ hãi. Phật không có cái sợ ấy, vì Phật nói chân thật êm ái, thứ lớp dễ hiểu, không mau, không chậm, không ít, không nhiều, không ẩn không hở, không đùa cợt, hơn tiếng chim Ca-lăng-tăng-già, từ và nghĩa phân minh, không làm tổn thương ai. Lời Phật lia đục nên không nhiễm, dứt sân nên không ngại, trừ ngu nên dễ hiểu, tăng trưởng pháp hỷ nên khả ái, ngăn tội nên an ổn, theo tâm người, theo giải thoát, nghĩa thì sâu, lời thì diệu. Có nhân duyên nên lời nói có lý, dùng thí dụ nên khéo hiển bày, việc thành nên khéo rõ việc, quán sát tâm chúng sanh nên nói lặc vật, lâu về sau đều

chứng nhập Niết-bàn cho nên nhất vị giải thoát.

Do vô lượng lời nói trang nghiêm như vậy, Phật đối với lời nói không có sợ.

Chỉ nói về pháp thế gian như vậy, Phật còn không có sợ, huống chi pháp xuất thế gian. Do vậy nói Phật có bốn việc không sợ.

Hỏi: Trong Mười lực của Phật, có việc không sợ chẳng? Nếu có việc không sợ thì nên chỉ nói bốn. Nếu có việc sợ, tại sao nói thành tựu không sợ?

Đáp: Một trí ở mười nơi gọi là Phật thành tựu Mười lực, như một người biết mười việc, theo việc mà gọi tên. Mười lực ấy dùng ra ở bốn chỗ, ấy là không sợ. Lực biết có lẽ ấy không có lẽ ấy, lực lậu hoặc hết, tức việc không sợ thứ nhất, thứ hai; còn tám lực tuy nói rộng, là việc không sợ thứ ba, thứ tư. Thế cho nên trong Mười lực có việc không sợ, mà nói riêng ra bốn việc không sợ cũng không lỗi.

Chánh biến tri (điều không sợ một): Biết hết thủy pháp không điên đảo, chánh không tà, như các đức Phật quá khứ, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Phật bảo A-nan: Điều thế gian, trời, người không biết được, thì Phật biết cùng khắp, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có người nói, pháp ấy Phật không biết.

Hỏi: Ấy là người nào?

Đáp: Trong đây Phật có nói hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, cho đến người muốn luận nghị với Phật. Luận pháp gì?

Có người nói: Phật không nói đến mười tám thứ đại Kinh thư của ngoại đạo, Thắng luận, Số luận, Vệ-đà.

Có người nói: Cân lượng núi Tu-di, đại địa sâu cạn, số lượng của tất cả cỏ cây.

Có người nói, mười bốn nạn vấn: thế giới là thường hay vô thường; hữu biên hay vô biên... Phật không đáp được.

Có người nói: Pháp, sắc pháp, vô sắc pháp, có thể thấy, không thể thấy, có đối ngại, không đối ngại, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi... Phật chỉ biết một thứ nhân duyên về việc đạo, còn các nhân duyên các pháp khác, Phật hoặc không biết hết.

Sa-môn là nói người xuất gia.

Bà-la-môn là nói người tại gia có trí.

Trời là nói địa thiên, hư không thiên.

Ma là nói sáu trời ở cõi Dục.

Phạm tức nói vị đứng đầu là Phạm thiên vương và tất cả trời ở cõi

Sắc.

Các chúng khác là các người khác ngoài mấy loài trên.

Như thật nói là hoặc đem việc trước mắt, hoặc đem nhân duyên ra nạn vấn.

Cho đến không thấy có chút nhân duyên sợ là tướng là nhân duyên, Ta không thấy có chút nhân duyên đúng như pháp đến phá hoại Ta được. Vì không thấy sợ nên Ta nói lời chân thật rằng Ta an trú chỗ của thánh chúa.

Phật nói lời thành thật rằng: Ta dứt hết các lậu (việc không sợ thứ hai). Nếu có người nói lậu hoặc ấy Phật không dứt hết, ta không có sợ. Những gì là lậu? Lậu có ba là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Lậu là từ trong sáu căn tiết ra, tâm số pháp tương ứng với tâm cấu nhiễm.

Lại nữa, như trong Kinh hết thấy lậu chương phân biệt nói bảy lậu.

Pháp làm chương đạo (điều không sợ thứ ba): Chỉ cho các nghiệp hữu lậu và các phiền não, báo chương ở ác đạo, và vì để hưởng thọ vì thiên thế gian mà tu bố thí, trì giới, mười thiện đạo. Lược nói những gì hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, có thể chương ngại Niết-bàn, đều gọi là pháp làm chương đạo.

Có người nói: Đạo có hai pháp (điều không sợ thứ bốn) là thánh định và thánh tuệ. Hai pháp ấy đưa đến Niết-bàn.

Có người nói: ba thánh đạo là vô lậu giới, định, tuệ.

Có người nói: bốn pháp là Bốn Thánh đế.

Có người nói: năm căn xuất thế gian.

Có người nói: sáu tánh xuất thế gian.

Có người nói: bảy giác ý.

Có người nói: tám thánh đạo, đưa đến Niết-bàn.

Các luận nghị sư nói: hết thấy vô lậu đưa đến Niết-bàn, trong đó nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đi đến nói lời như thật rằng, việc ấy không như vậy, thì Ta cho đến không thấy có chút nhân duyên sợ. Vì không thấy sợ, nên nói lời chân thật rằng, Ta an trú ở chỗ thánh chúa.

Hỏi: Vì sao Phật nói lời chân thật rằng, Ta an trú ở chỗ thánh chúa?

Đáp: Tự công đức đã đầy đủ, cũng khiến chúng sanh được an lạc lợi ích. Nếu Phật tự được trú xứ an lạc mà không thể làm lợi ích chúng sanh, cũng không gọi là an trú ở chỗ thánh chúa. Nếu chỉ lợi ích chúng sanh mà không tự đầy đủ công đức, cũng không gọi là an trú ở chỗ thánh

chúa. Nếu tự có công đức cũng lợi ích chúng sanh, vì vậy cho nên nói lời chân thật rằng, ta an trú ở chỗ thánh chúa.

Lại nữa, Phật tự dứt ác, cũng dứt ác cho chúng sanh, vì dứt hai ác nên được thanh tịnh bậc nhất, khéo thuyết pháp nên an trú ở chỗ thánh chúa.

Lại nữa, đối Bốn thánh đế, ba lần chuyển mười hai hàng, có thể chuyển có thể phân biệt, hiển bày phụ diễn nên nói Ta an trú ở chỗ thánh chúa.

Lại nữa, có thể trừ hết tất cả nghi hối, tà kiến, giải thích được tất cả nạn vấn thâm sâu, nên gọi là an trú ở chỗ thánh chúa (là chỗ đệ nhất, tối thượng, cực cao, không thối không một, đầy đủ công đức, không giảm thiểu). Do sức nhân duyên công đức như vậy nên nói lời chân thật rằng, Ta an trú ở chỗ thánh chúa.

Ở giữa chúng cát tiếng rống sư tử: Chúng ta là tám chúng Sa-môn, Bà-la-môn, Sát lợi, Thiên, Tứ thiên vương, Tam-thập-tam thiên, Ma, Phạm. Chúng sanh ở trong tám chúng này, mong cầu trí tuệ, cho nên trong Kinh chỉ nói đến tám chúng. Trong đây Phật cát tiếng rống sư tử cũng ở giữa hết thảy chúng, cho nên trong Kinh nói: hoặc còn các chúng khác. Vì hễ ai nghe được âm thanh của Phật, đều gọi là chúng.

Lại nữa, có người nói: Phật một mình ở chỗ vắng thuyết pháp, cho nên nói, ở giữa chúng nói lời chân thật rằng: Ta có Mười lực, Bốn không sợ, ấy gọi là ở giữa chúng cát tiếng rống sư tử.

Lại nữa, Phật khai thị: Ta chân thật nói rằng, Ta là sư tử, bậc Nhất thiết trí ở giữa hết thảy thế gian, ai còn có nghi ngờ, không tin hãy đi đến, Ta sẽ giải thích cho. Do vậy nên nói ở giữa chúng rống tiếng sư tử.

Sư tử rống: Như sư tử vương, sanh trong giống thanh tịnh, ở trong núi sâu hang thẳm, hàm vuông xương lớn, thân thịt béo đầy, đầu to, mắt dài, sáng sạch, mi cao mà rộng, răng to sắc trắng bạch, miệng mũi vuông lớn, cứng rắn bền chắc, răng khít bằng nhọn, lè lưỡi trắng đỏ, hai tai cao lên, lông tóc sáng nhuận, thân trên rộng lớn, da thịt cứng rắn, xương sống thẳng, hông nhỏ, bụng thon, đuôi dài, móng nhọn, chân đứng vững vàng, thân lớn sức mạnh. Từ chỗ ở bước ra, vạm mình, nhả mào, gầm gừ, lấy miệng dũi xuống đất, hiện oai thế lớn, ăn không lổi thời, bày tướng thức dậy sáng sớm, biểu hiện sức sư tử vương, làm oai với loài hươu nai, gấu, cọp, beo, chồn heo, thức tỉnh chúng ngủ lâu, hàng phục kẻ cao cường có thể lực, tự mở đường đi mà gầm thét lớn. Khi rống như vậy, các loài nghe được, hoặc mừng, hoặc sợ, loài ở hang ẩn trốn, loài ở nước lạnh sâu, loài trong núi lạnh nép, voi bức vòng khóa cuồng cuồng

mà chạy, chim ở giữa không bay cao tránh xa.

Phật sư tử cũng như vậy, sanh từ trong tộc tánh lớn của sáu Ba-la-mật và bốn thánh chủng xưa (P. Catraro Ariyavamsa – bốn thứ làm phát sanh hạt giống thánh: 1. Biết vui đủ y phục. 2. Biết vui đủ ẩm thực. 3. Biết vui đủ ngọa cụ. 4. Biết vui đoạn vui tu. N.D. chú). Ở trong núi lớn tịch diệt, trong hang thiền định thâm sâu, được cái đầu Nhất thiết chủng trí, cái hàm Nhóm các thiện căn, con mắt Vô lậu chánh kiến sáng sạch, chân mày Định tuệ bình đẳng cao rộng, răng to Bốn việc không sợ trắng sắc, miệng Vô ngại giải thoát đầy đủ, má Bốn chánh căn chắc đầy, răng Ba mươi bảy đạo phẩm dày khít bằng sắc, lè lưỡi trắng đỏ Tu bất tịnh quán, tai Niệm tuệ cao thượng, tóc lông Mười tám pháp không chung sáng sạch tươi nhuận, thịt thân trên Ba giải thoát môn bền chắc, lưng thẳng Ba thị hiện, bụng Minh hạnh đầy đủ chẳng hiện, lưng Nhẫn nhục thon nhỏ, đuôi hạnh Viễn ly dài, chân Bốn như ý đứng vững, móng Năm căn vô học nhọn bén, thế của Mười lực vô lượng, thân Vô lậu pháp uẩn đầy đủ. Từ trú xứ Tam-muội vương của chư Phật đi ra, trong đất Chư pháp nhãn mày gằm gờ Bốn vô ngại trí; miệng vô ngại giải thoát, nương sức Mười lực quảng đại ấy, độ chúng sanh không sai thời, chỉ bày tướng sớm mai cho thế gian trời người, hiển bày đức của đấng Pháp vương, làm oai với chúng ngoại đạo tà kiến luận nghị sư, giác tỉnh các chúng sanh ngủ mê đối với Bốn đế, hàng phục sức kiêu mạn của kẻ đấm trước năm uẩn là ta, mở đường cho kẻ tà kiến dị học luận nghị. Như vậy, khiến kẻ hành tà đạo thì sợ hãi, người chánh tín thì vui mừng, kẻ độn căn được lợi, an ủi đệ tử, phá hoại ngoại đạo, chư thiên trường thọ, hưởng lâu cái vui cõi trời, thời biết rõ vô thường.

Các chúng sanh như vậy nghe tiếng sư tử rống Bốn đế, đều sanh tâm nhàm chán, tâm nhàm chán nên được xa lìa, được xa lìa nên được vào Niết-bàn, ấy gọi là ở giữa chúng như sư tử rống.

Lại nữa, Phật sư tử rống và sư tử rống có sai khác. Sư tử rống thì các loài thú kinh sợ, hoặc chết, hoặc gần chết, còn Phật sư tử rống thì khỏi sợ chết. Sư tử rống thì sợ, đời đời chết khổ, còn Phật sư tử rống, chỉ đời này chết, không còn khổ đời sau. Sư tử rống thì tiếng thô ác, chúng không ưa nghe, sợ hãi sống chết, còn Phật sư tử rống thì tiếng nhu nhuyễn, nghe không chán, tâm rất vui, nghe xa cùng khắp, thường cho hai thứ vui là vui sanh cõi trời, và vui Niết-bàn; như thế là sai khác.

Hỏi: Phật rống tiếng rống sư tử cũng khiến cho người nghe sợ, cùng với sư tử rống có gì sai khác?

Đáp: Nghe Phật sư tử rống đương thời sợ ít mà sau được lợi ích lớn.

Người có tâm đắm trước tôi, ta, người khát ái cái vui thế gian, người tâm tà kiến thường bị điên đảo ràng buộc, thì sanh sợ hãi, như trong Kinh nói: Phật thuyết Bốn đế, cho đến trên chư thiên cũng đều sợ hãi nghĩ rằng, chúng ta vô thường, khổ, vô ngã, không, vì tâm điên đảo nên đắm trước tướng thường và vui, như thế là sai khác.

Lại nữa, nghe sư tử rống, trừ người lia dục, các người khác đều sợ, còn Phật sư tử rống thì người cầu Niết-bàn ly dục, người không ly dục đều sợ. Sư tử rống thời người thiện bất thiện đều sợ, còn Phật sư tử rống chỉ người thiện sợ.

Lại nữa, sư tử rống mọi thời đều sợ, còn Phật sư tử rống tuy có làm chúng sanh sợ chút ít nhưng mà chỉ bày tội ác thế gian, khiến dừng ưa sanh trong thế gian, quán công đức lợi ích của Niết-bàn, trừ các thứ sợ hãi của thế gian, đóng đường ác, mở đường thiện, khiến người đi đến thành Niết-bàn.

Lại nữa, do hai mươi việc nên Phật thuyết pháp gọi là sư tử rống, đó là vì nương dựa Mười lực, vì không thiếu, vì không sợ, vì âm thanh thanh tịnh, vì chưa từng có, vì dắt dẫn đại chúng, vì làm ác ma kinh sợ, vì làm nhiều loạn ma dân, vì khiến chư Thiên hoan hỷ, vì được ra khỏi lưới ma, vì dứt ma trói buộc, vì phá lưới câu ma, vì vượt qua cảnh giới ma, vì tự pháp tăng trưởng, vì tổn giảm tha pháp, vì quả báo không hư dối, vì thuyết pháp chẳng trống không, vì người phạm phu vào Thánh đạo, vì người vào Thánh đạo được đầy đủ hết lậu, và tùy chỗ thích hợp chứng đắc ba thừa. Vì vậy nên Phật nói, gọi là sư tử rống; ấy là nghĩa tổng tướng, biệt tướng về sư tử rống.

Chuyển phạm luân: Thanh tịnh gọi là phạm. Trí tuệ và pháp tương ứng với trí tuệ của Phật gọi là luân (bánh xe). Lời của Phật nói, người lãnh thọ theo pháp hành trì, gọi là chuyển. Luân ấy lấy Bốn niệm xứ đầy đủ làm cái bầu xa, Năm căn, Năm lực làm cái tay hoa xe, Bốn như ý túc làm cái vành kiên cố, Bốn chánh cần làm vành khít hợp, Ba giải thoát làm gọng xe, thiền định trí tuệ làm điều hợp, vô lậu giới làm hương bôi xe, Bảy giác ý làm tạp hoa anh lạc, chánh kiến làm quay theo bên phải, tín tâm thanh tịnh làm sự ưa vui, chánh tinh tấn làm đi mau, tiếng sư tử rống vô úy làm âm thanh tuyệt diệu, hay làm sợ ma luân, phá rã mười hai nhân duyên luân, hoại sanh tử luân, lìa phiền não luân, dứt nghiệp luân, làm chướng ngại thế gian luân, phá khổ luân, hay làm cho hành giả hoan hỷ, trời, người kính mộ. Luân ấy không ai lay chuyển được, luân ấy bảo trì Phật pháp, do vậy nên gọi là chuyển Phạm luân.

Lại nữa, Phật Chuyển pháp luân như Chuyển luân Thánh vương

chuyển bảo luân.

Hỏi: Phật và Chuyển luân Thánh vương có gì tương tự?

Đáp: Ví như vua sanh ở trong dòng thanh tịnh không tạp, theo tộc tánh thành tựu gia nghiệp, đủ các tướng trang nghiêm thân, vương đức đầy đủ, hay chuyển bảo luân, nước thơm rưới đầu, thọ vương vị ở trên bốn thiên hạ, hoại trừ hết thủy phép giặc, khiến không dám trái, kho báu đầy đầy, quân chứa bảy báu để làm trang sức, lấy Bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sanh, khéo dùng vương pháp, an ủi bổ nhậm quý tánh, đại thần chủ binh, để làm chánh sách trị nước, vui vẽ bố thí trân bảo thượng diệu, tri niệm đến ai, thủy chung không thay đổi. Phật pháp vương cũng như vậy. Các đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Nhiên Đăng, Bảo Hoa... sanh từ trong dòng chư Phật thanh tịnh, tiên Phật oai nghi hạnh nghiệp, như chư Phật trước đầy đủ ba mươi hai tướng để tự trang nghiêm, thánh chúa oai nghi đầy đủ, chuyển chân pháp luân, vị cam lồ trí tuệ rưới trên đầu trí, làm bậc Chí tôn giữa ba cõi, phá hoại hết thủy giặc phiền não, chúng học, vô học hoan hỷ, cấm giới đã được kiết không dám trái phạm. Kho pháp bảo vô lượng đầy đủ, báu bảy giác phần trang nghiêm, đội quân tám mươi bốn ngàn pháp tụ, lấy bốn nhiếp pháp xuất thế gian mà thu nhiếp chúng sanh, biết phương tiện nói pháp Bốn Thánh để làm nghi thức của Pháp vương, các đại tướng Xá-lợi-phất, Di-lặc khéo sửa trị pháp quốc độ Phật, dùng vô lậu căn, lực, giác, các thứ vui diệu bảo để bố thí, thâm cầu thiện sự cho hết thủy chúng sanh là chỗ tướng niệm kiên cố. Đó là chỗ tương tự giữa Chuyển luân Thánh vương với Phật Pháp vương.

Lại nữa, Phật có chỗ thù thắng hơn Chuyển luân Thánh vương. Chuyển luân Thánh vương không lìa các phiền não, Phật đã lìa vĩnh viễn các phiền não; Chuyển luân Thánh vương chìm trong bùn sanh tử, Phật đã ra khỏi; Chuyển luân Thánh vương làm tội tố cho ái ân, Phật đã ra khỏi; Chuyển luân Thánh vương đi trong con đường hiểm sanh tử, Phật đã qua khỏi. Chuyển luân Thánh vương ở trong bóng tối ngu si, Phật an trú trong quang minh đệ nhất; Chuyển luân Thánh vương tự tại cùng cực giữa bốn thiên hạ, Phật tự tại giữa vô lượng vô biên thế giới; Chuyển luân Thánh vương tài bảo tự tại, Phật tâm bảo tự tại; Chuyển luân thánh vương khát ái cái vui cõi trời, Phật cho đến cái vui ở cõi trời Hữu đỉnh cũng xa lìa; Chuyển luân thánh vương theo bên ngoài mà tìm vui, Phật tự tâm sanh vui. Do vậy, Phật đối với Chuyển luân thánh vương là thù thắng hơn.

Lại nữa, Chuyển luân Thánh vương tay vận chuyển xe báu đi giữa

hư không vô ngại, Phật vận chuyển xe pháp ở giữa hết thủy thế gian trời người không ngăn ngại. Người thấy được xe báu, các độc hại đều diệt, gặp được xe pháp thì tất cả độc phiền não đều diệt. Thấy xe báu thì các tai nạn ác hại đều diệt, gặp được xe pháp thì tất cả tai hại về tà kiến, nghi, hối đều tiêu diệt. Vua lấy xe báu trị thiên hạ, Phật dùng xe pháp trị hết thủy thế gian trời, người, khiến được tự tại với pháp. Đó là chỗ tương tự giữa Chuyển luân Thánh vương với Phật.

Lại nữa, xe pháp thù thắng hơn xe báu, xe báu hư dối, xe pháp chắc thật; xe báu tăng trưởng lửa ba độc, xe pháp diệt lửa ba độc; xe báu hữu lậu, xe pháp vô lậu; xe báu vui năm dục lạc, xe pháp vui pháp lạc; xe báu là chỗ kiết sử, xe pháp chẳng phải chỗ kiết sử; xe báu đi chỗ có hạn lượng; xe pháp đi vô lượng quốc độ; xe báu do nhất tâm thanh tịnh bố thí nên có được đời đời, xe pháp do nhân duyên nhóm hết thủy thiện căn trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp và trí tuệ nên được; xe báu sau khi vua chết không còn chuyển động, xe pháp sau khi Phật diệt độ vẫn chuyển động; xe báu ở nơi một người, xe pháp ở nơi hết thủy người khả độ.

Lại nữa, Phạm là rộng, Phật chuyển xe pháp khắp cả mười phương, nên gọi là rộng.

Lại nữa, từ bốn tâm phạm hạnh (từ, bi, hỷ, xả) nói ra nên gọi là Phạm luân.

Lại nữa, lúc Phật mới đắc đạo, Phạm thiên vương thỉnh Phật Chuyển pháp luân, cho nên gọi là Phạm luân.

Lại nữa, Phật ở thành Ba-la-nại Chuyển pháp luân, A-nhã Kiều-trần-như đắc đạo, tiếng pháp nghe thấu Phạm thiên, nên gọi là Phạm luân.

Lại nữa, có người quý Phạm thiên, muốn cho họ hoan hỷ, nên gọi là Phạm luân. Do vậy nên gọi là Phạm luân.

Hỏi: Có khi Phật gọi là Pháp luân, khi gọi là Phạm luân, có gì sai khác?

Đáp: Phạm luân và Pháp luân không khác nhau.

Lại nữa, có người nói, nói Phạm luân là chỉ thị về Bốn tâm vô lượng, nói pháp luân là chỉ thị về Bốn đế pháp.

Lại nữa, nhân Bốn tâm vô lượng đắc đạo, ấy gọi là Phạm luân, nương pháp khác đắc đạo, ấy gọi là Pháp luân. Phạm luân chỉ thị tứ thiên, Pháp luân chỉ thị Ba mươi bảy đạo phẩm, Phạm luân chỉ thị thánh đạo tu thiện, Pháp luân chỉ thị thánh đạo tu trí tuệ. Như vậy, phân biệt chỗ sai khác giữa Phạm luân và Pháp luân.

Hỏi: Pháp gì là tánh không sợ?

Đáp: Lúc Phật mới đắc đạo, được hết thấy Phật pháp, Mười lực, bốn việc không sợ... trong đây được pháp tương ứng với bốn trí không sợ ở đời vị lai, gọi là không sợ, như trong lúc bố thí, trong tâm phát sanh “xả” tương ứng với tư tâm sở. Lại như tương ứng với Bốn tâm vô lượng gọi là pháp từ.

Hỏi: Trong bốn việc không sợ, có thứ lớp thế nào?

Đáp: Việc không sợ đầu là chỉ thị người biết hết thấy pháp, biết hết thấy pháp nên nói ta đã sạch hết lậu, sạch hết lậu nên biết pháp làm chướng ngại sự hết lậu, dứt pháp chướng ngại đó nên nói đạo.

Lại nữa, không sợ đầu, ví như thầy thuốc biết tất cả dược thảo; không sợ hai, ví như biết tất cả bệnh dứt; không sợ ba, ví như biết đều cấm kỵ; không sợ bốn; ví như chỉ thị những thứ nên ăn.

Lại nữa, trong không sợ đầu nói về trí nhất thiết chủng, trong không sợ hai nói về không còn tập khí phiền não, trong không sợ ba nói pháp lỗi lầm, trong không sợ bốn nói về việc thành, được đến Niết-bàn.

Hỏi: Như trong Bát-nhã Ba-la-mật, mỗi phẩm đều nói Năm uẩn, Mười lực, Bốn điều không sợ, Mười tám pháp bất cộng đều không, vậy làm sao phân biệt nói tướng của nó.

Đáp: Trong Phật pháp cái không, bất khả đắc, không chướng ngại gì đối với các pháp. Nhân cái không, bất khả đắc ấy mà nói ra hết thấy Phật pháp, mười hai bộ loại kinh; ví như hư không không có gì, mà mọi vật đều nương đó trưởng thành.

Lại nữa, nói Mười lực, Bốn không sợ, không vì chấp thủ tướng, trước tâm phân biệt, mà chỉ vì độ chúng sanh, biết chúng sanh nhờ nhân duyên này mà được giải thoát. Ví như nói cỏ thuốc chỉ vì để trị lành bệnh, chứ không phải để tìm tướng cỏ thuốc, như trong Trung luận nói:

*Nếu tin các pháp không,
 Ấy thời thuận với lý,
 Nếu không tin pháp không,
 Hết thấy đều trái mất,
 Nếu lấy “Vô” là không,
 Không có gì tạo tác,
 Chưa làm đã có nghiệp,
 Không làm, có tác giả,
 Các pháp tướng như vậy,
 Ai hay tư lường được?
 Chỉ có tâm thẳng sạch,
 Nói ra không nương tựa,*

*Lìa hai kiến có, không,
Tâm tự nhiên nội diệt.*

Hỏi: Trong pháp Thanh văn nói Mười lực, Bốn điều không sợ như vậy, còn trong Đại thừa phân biệt Mười lực, Bốn điều không sợ thế nào?

Đáp: Trong Mười lực, Bốn điều không sợ ấy, biết hết biết khắp, ấy là trong Đại thừa nói Mười lực, Bốn điều không sợ.

Hỏi: Trong pháp Thanh văn cũng nói biết hết biết khắp, cơ sao nói trong Đại thừa mới nói biết hết biết khắp?

Đáp: Trong pháp Thanh văn các luận nghị sư nói Phật biết hết biết khắp chứ chẳng phải Phật tự nói, nay trong Đại thừa nói Mười lực, Bốn điều không sợ là Phật tự nói Ta biết hết biết khắp.

Lại nữa, vì hàng Thanh văn nói Mười lực, Bốn điều không sợ hợp cùng với Bốn đế, Mười hai nhân duyên các pháp Thanh văn, đều vì để đạt đến Niết-bàn, nay trong Đại thừa nói Mười lực, Bốn điều không sợ vì hợp cùng với Đại bi, các pháp thật tướng bất sanh bất diệt mà nói.

Hỏi: Phật có Mười lực, Bốn điều không sợ, Bồ-tát có chăng?

Đáp: Có, thế nào?

1. Phát tâm Nhất thiết trí, nên được lực cứng sâu bền chắc.
2. Đây đủ tâm Đại từ nên được lực không bỏ hết thủy chúng sanh.
3. Không cần đến lợi dưỡng cung kính cúng dường, nên đầy đủ lực Đại bi.

4. Tin hết thủy Phật pháp, đầy đủ phát sinh hết thủy Phật pháp và tâm không biết nhàm đủ, nên được lực Đại tinh tấn.

5. Nhất tâm hành theo trí tuệ, không hoại oai nghi, nên được lực Thiền định.

6. Trừ nhị biên, theo Mười hai nhân duyên hành, dứt tất cả tà kiến, diệt hết thủy ức tưởng phân biệt hý luận, nên đầy đủ lực trí tuệ.

7. Vì thành tựu cho hết thủy chúng sanh, nên thọ vô lượng sanh tử, nhóm các thiện căn không biết nhàm đủ, biết hết thủy thế gian như mộng, nên được lực không chán sanh tử.

8. Quán thật tướng các pháp, biết không ta, không chúng sanh, tin hiểu các pháp không ra không sanh, nên được lực vô sanh pháp nhẫn.

9. Vào ba quán môn giải thoát không, vô tướng, vô tác, biết thấy Thanh văn, Bích-chi Phật giải thoát, nên được lực giải thoát.

10. Đối thâm pháp được tự tại, biết tâm hành của chúng sanh đến đâu, nên được lực vô ngại trí. Đó là Mười lực của Bồ-tát.

Những gì là bốn việc không sợ của Bồ-tát?

1. Nhớ hết điều đã nghe, được các Đà-la-ni, ghi nhớ không quên, nên ở giữa chúng thuyết pháp mà không sợ.

2. Được giải thoát đối với hết thảy pháp, biết phân biệt dùng hết thảy pháp được, biết căn cơ của hết thảy chúng sanh, nên ở giữa chúng tùy theo căn cơ mà thuyết pháp, không sợ.

3. Bồ-tát thường xa lìa mọi sự sợ, không nghĩ rằng, mười phương có ai đến vấn nạn ta, ta không thể đáp. Không thấy có tướng đó, cho nên ở giữa chúng thuyết pháp mà không sợ.

4. Cho mọi người tự do đến nạn vấn, mỗi mỗi đều đáp hết, dứt trừ nghi hoặc, cho nên ở giữa chúng thuyết pháp mà không sợ. Đó là bốn không sợ của Bồ-tát.

Bốn trí vô ngại: Trí biết nghĩa vô ngại, trí biết pháp vô ngại, trí biết từ vô ngại, trí biết lạc thuyết vô ngại.

Trí biết nghĩa vô ngại: Dùng danh tự ngôn ngữ nói sự vật, mỗi mỗi các pháp tướng, như đất tướng cứng, trong đó tướng cứng là nghĩa, danh tự đất là pháp, dùng ngôn ngữ nói đất là từ, đối ba thứ trí ấy vui nói tự tại, gọi là lạc thuyết.

Thông đạt không ngăn ngại bốn việc ấy gọi là trí vô ngại.

Nước tướng ướt, lửa tướng nóng, gió tướng động, tâm tướng suy nghĩ, năm uẩn tướng vô thường, năm thọ uẩn tướng vô thường, khổ, không, hết thảy tướng vô ngã. Phân biệt các pháp tướng chung, tướng riêng cũng như vậy; ấy gọi là trí biết nghĩa vô ngại.

Trí biết pháp vô ngại: Biết tên gọi của nghĩa ấy, tướng cứng gọi là đất. Phân biệt hết thảy danh tự như vậy không trệ ngại; ấy gọi là trí biết pháp vô ngại. Vì cố sao? Vì lìa danh tự thì nghĩa không thể có được. Biết nghĩa phải do nơi danh, vì vậy tiếp theo Nghĩa là Pháp.

Hỏi: Nghĩa với danh là hợp nhau? hay lìa nhau? Nếu nghĩa hợp một với danh, thì khi nói lửa phải bị cháy miệng, nếu lìa thì khi gọi lửa, nước có thể đến?

Đáp: Cũng không hợp cũng không lìa, người xưa tạm đặt tên để gọi các pháp, người sau nhân tên ấy mà biết việc ấy, như vậy mỗi pháp đều có tên gọi, ấy là pháp.

Tên gọi và nghĩa ấy làm sao khiến chúng sanh hiểu được? Vậy phải dùng ngôn từ phân biệt trang nghiêm mới khiến người ta hiểu được, thông suốt không trệ ngại; ấy gọi là trí biết từ vô ngại.

Nói có đạo lý, khai diễn vô tận, đối các thiên định, cũng được tự tại không trệ ngại, ấy gọi là trí biết vui nói vô ngại.

Trí vô ngại một và bốn ở trong chín địa, trí vô ngại hai và ba ở trong

Dục giới và Phạm thiên.

Trí vô ngại hai và ba thuộc về trí, trí vô ngại một thuộc mười trí, trí vô ngại bốn, thuộc chín trí. (Mười trí xem chương 35 – N.D chú).

Vô ngại ấy có ba bậc thượng, trung, hạ. Thượng chư Phật, trung đại Bồ-tát, hạ đại A-la-hán.

Hỏi: Lực, không sợ, không ngại đều là trí tuệ. Bên trong có lực, bên ngoài không sợ là đủ rồi, sao lại còn nói không ngại?

Đáp: Lực và không sợ đã phân biệt. Có người tuy không sợ mà ở giữa đại chúng thuyết pháp vẫn có ngại, vì vậy nên nói Bốn trí vô ngại. Được Bốn trí vô ngại ấy trang nghiêm cho Bốn điều không sợ, Bốn điều không sợ trang nghiêm cho Mười lực.

Lại nữa, nói không sợ, hoặc có người nghi rằng sao một người có thể ở giữa đại chúng được tính không sợ? Phật nói vì trước có Mười lực, sau có Bốn trí vô ngại cho nên ở giữa đại chúng thuyết pháp mà không sợ. Như vậy là phân biệt bốn trí vô ngại.

Hỏi: Trong đại thừa có Bốn trí vô ngại của Bồ-tát chăng?

Đáp: Có?

- Thế nào?

Trí biết nghĩa vô ngại: Nghĩa là thật tướng các pháp, không thể nói được. Nghĩa, tên gọi, ngữ ngôn không riêng khác. Trước, sau, giữa cũng như vậy; ấy gọi là nghĩa. Không thể lìa tên gọi, ngữ ngôn mà riêng có nghĩa. Ba sự ấy bằng nhau nên gọi là nghĩa.

Lại nữa, biết rõ ràng hết thủy nghĩa của các pháp, thông đạt không trệ ngại, ấy gọi là trí biết nghĩa vô ngại.

Trí biết pháp vô ngại: Pháp là tên gọi của các nghĩa, vì nhờ tên gọi mà biết nghĩa.

Lại nữa, Bồ-tát nhập vào trí biết pháp vô ngại, thường tin pháp, không tin người; thường nương pháp, không nương phi pháp. Nương pháp là, không gì chẳng phải pháp sự. Vì sao? Vì người ấy đối với hết thủy tên gọi và ngữ ngôn biết tự tướng vốn xa lìa.

Lại nữa, lấy trí biết pháp vô ngại ấy để phân biệt ba thừa, tuy phân biệt ba thừa mà không hoại pháp tánh. Vì cố sao? Vì pháp tánh là nhất tướng, đó là vô tướng. Bồ-tát dùng ngữ ngôn ấy thuyết pháp, mà biết ngữ ngôn là không, như tiếng vang. Thuyết pháp khai thị cho chúng sanh, khiến tin, biết đồng pháp tánh, tên gọi, ngữ ngôn được nói ra thông suốt không trệ ngại, ấy gọi là biết pháp vô ngại.

Trí biết từ vô ngại: Dùng ngữ ngôn để nói nghĩa và tên gọi, các thứ trang nghiêm ngữ ngôn, tùy căn cơ thích hợp dùng ngữ ngôn khiến cho

hiểu rõ, đó là ngữ ngôn Trời, Rồng, Da-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, phi nhân. Ngữ ngôn Thích-đề-hoàn nhân, Phạm thiên, Tứ thiên vương, Thế chủ. Ngữ ngôn người, một lời, hai lời, nhiều lời, lược nói, rộng nói, ngữ ngôn nữ, ngữ ngôn nam, ngữ ngôn quá khứ, vị lai, hiện tại. Các ngữ ngôn như vậy làm cho đều được hiểu rõ. Tự nói, người khác nói, không có khen chê... Vì cơ sao? Vì hết thấy pháp không ở trong ngữ ngôn. Ngữ ngôn chẳng phải thật nghĩa. Nếu ngữ ngôn thật nghĩa, thì không thể dùng ngữ ngôn thiện nói điều bất thiện. Chỉ vì đưa vào Niết-bàn cho nên nói để cho hiểu, chớ chấp trước ngữ ngôn.

Lại nữa, dùng ngữ ngôn để khiến chúng sanh thật hành theo pháp nghĩa. Vì ngữ ngôn đều đưa vào trong thật tướng các pháp. Ấy gọi là trí biết từ vô ngại.

Trí biết vui nói vô ngại: Bồ-tát ở trong một chữ có thể biết hết thấy chữ, trong một lời có thể nói hết thấy lời, trong một pháp có thể nói hết thấy pháp. Trong ấy điều được nói ra đều là pháp, đều là thật, đều là chơn, đều tùy theo người khả độ mà có được lợi ích. Nghĩa là người ư Khế kinh nói Khế kinh (Sùtra) cho họ, người ư Trùng tụng nói Trùng tụng (Geya) cho họ, người ư Ký biệt (Vyākaraṇa – Thọ ký) nói Ký biệt cho họ, người ư Phúng tụng (Gāthā – Cô Khởi) nói Phúng tụng cho họ, người ư Tự thuyết (Udāna), Nhân duyên (Nidāna), Thí dụ (Avadāna), Bổn sự (Itivuttaka), Bổn sanh (Jātaka), Phương quảng (Vaipulya), Vị tăng hữu (Adbhuta – Dharma), Luận nghị (Upadēsa), đều nói cho họ. Tùy theo căn của chúng sanh ư tin, mà vui nói. Nói tín căn cho người ư tin, nói tinh tấn căn cho người ư tinh tấn, nói niệm căn cho người ư siêng niệm, nói định căn cho người ư nhiếp tâm, nói tuệ căn cho người ư trí tuệ. Cũng như Năm căn, nói các thiện căn khác cũng như vậy.

Lại nữa, vì căn của người dâm dục có hai vạn một ngàn, vì căn ấy Phật nói tám vạn bốn ngàn các pháp đối trị; tùy các căn ấy mà vui nói thứ lớp, căn pháp đối trị, Bồ-tát vui nói. Căn của người sân nhuế có hai vạn một ngàn, vì căn ấy Phật nói tám vạn bốn ngàn căn pháp đối trị; tùy các căn ấy, vui nói thứ lớp pháp đối trị, Bồ-tát vui nói. Căn của người ngu si có hai vạn một ngàn, vì căn ấy, Phật nói tám vạn bốn ngàn căn pháp đối trị; tùy các căn ấy vui nói thứ lớp pháp đối trị, Bồ-tát vui nói. Căn của người đẳng phân (tham, sân, si bằng phần nhau) có hai vạn một ngàn, vì căn ấy Phật nói tám mươi bốn ngàn căn đối trị, tùy các căn ấy, vui nói thứ lớp pháp đối trị, Bồ-tát vui nói; ấy gọi là trí vui nói vô ngại.

Lại nữa, Bồ-tát dùng trí vô ngại ấy, hoặc một kiếp, hoặc nửa kiếp, mỗi mỗi trang nghiêm thuyết pháp, cũng chẳng hoại các pháp tướng. Vì Bồ-tát ấy, hoặc ẩn thân không hiện, mà dùng các lỗ chân lông thuyết pháp cho chúng sanh. Theo chỗ thích ứng, không sai bản hạnh. Bồ-tát ấy trí tuệ vô lượng, tất cả luận nghị sư không thể biết cùng tận, cũng không thể phá hoại. Bồ-tát ấy được trí vô ngại đó, khi chuyển thân thụ sanh, tự nhiên biết rõ các kinh sách, chú thuật, trí tuệ, kỹ năng của hết thầy ngũ thông tiên nhân, đó là bốn Vệ-đà, sáu Ương-già chú thuật, biết các kinh mặt trời mặt trăng năm sao, kinh đoán mộng, đất động, quỷ nói, chim kêu, người câm, thú bốn chân, người bị quỷ ám nói, quốc vương xem tướng được mùa mất mùa, tướng mặt trời mặt trăng, năm sao đấu nhau, y dược, chương toán, bốc số, ca múa, kỹ nhạc. Các kinh công xảo kỹ thuật như vậy đều biết hết. Sáng suốt hơn mọi người và các ngoại đạo, không tự cao, không não hại người khác. Biết các việc thế tục ấy, không phải vì Niết-bàn.

Bồ-tát thành tựu Bốn trí vô ngại nên được sắc lực quang minh hơn các người Phạm-chí, được các Phạm-chí cung kính ái lạc tôn trọng, tâm không nhiễm trước. Vì được chư thiên như vậy tôn trọng cung kính cũng không nhiễm trước, chỉ sanh tâm nghĩ về vô thường, khổ, không, vô ngã. Cũng dùng thần thông làm phát khởi tâm chư thiên khiến khát ngưỡng mà nói pháp cho họ, không tận không hoại, dứt trừ nghi hối, khiến an trú Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ấy gọi là trong Đại thừa nói về Bốn trí lực vô ngại của Bồ-tát, hay cứu độ chúng sanh. Đó là nghĩa của Bốn trí vô ngại.

